TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn T

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Th

Bà Triệu Thị M

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị S - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện B, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Lê H – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B; địa chỉ: khu Th, Cẩm B, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th; địa chỉ: Thôn D, xã Nh, huyện B, thành phố Hải Phòng; hiện đang là học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện B ngày 23 tháng 11 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, anh Th ham chơi, nghiện ma túy, phải đi cai nghiện nhiều lần không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả, chị đã phải về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Từ ngày 18/7/2017, anh Th bị bắt đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh với thời gian là 02 năm. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NGuyễn Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2011, hiện tại con chung đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị B nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 04 tháng 7 năm 2018, anh trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm, điều kiện kết hôn như nội dung chị B trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách. Nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, anh Th không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị B cố tình xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn một phía cho chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H như chị B trình bày. Khi ly hôn, anh Th xin nhận trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện B xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh NGuyễn Văn Th.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Mạnh Hải, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc chị B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B và bị đơn là anh Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn D, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th đã nhận được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Th có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B ngày 23/11/2010. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, anh Th nghiện ma túy phải đi cai nghiện nhiều lần.

Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay được khoảng 02 năm, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Chị B xin ly hôn, anh Th không đồng ý, nhưng trong trường hợp nếu chị B vẫn cố tình xin ly hôn thì anh Th đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về con chung: Chị B và anh Th có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2011. Cả chị B và anh Th đều có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy từ khi chị B và anh Th sống ly thân đến nay, con chung do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị B có việc làm ổn định, có thu nhập, có nơi ở và cư trú ổn định nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung được tốt. Anh Th hiện đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị B nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị B. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị B và anh Th xin tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị B và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh NGuyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001067 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hải Phòng. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện B;
- UBND xã H, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn T